

Số: 04 / 2015/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định ưu đãi đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hoá sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ ban hành chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực: giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa trong các lĩnh vực: giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng chính phủ ban hành danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực: giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực: giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 23/9/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày

23/9/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ công văn số 10/TTHĐND17 ngày 20.01.2015 của Thường trực HĐND về việc ưu đãi đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị ở tỉnh Bắc Ninh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định ưu đãi đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hoá sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Cục Thuế tỉnh; Kho bạc nhà nước tỉnh; chủ đầu tư các dự án xã hội hóa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / .

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tư pháp (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (bcáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh uỷ, các ban của đảng;
- Các tổ chức CT-XH;
- Kho bạc NN tỉnh;
- Viện KSND, TAND tỉnh, Công an tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh; Công TTĐT;
- Lưu VT, KTTH, PVP, TH.

**TM.UBND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tử Quỳnh

QUY ĐỊNH

**Ưu đãi đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hoá
sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Các cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa trong các lĩnh vực: giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi tắt là các cơ sở thực hiện xã hội hóa) sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 của Thủ tướng chính phủ, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các lĩnh vực xã hội hóa;

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 2. Ưu đãi miễn tiền thuê đất

Các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được miễn tiền thuê đất trong thời hạn được thuê đất để thực hiện dự án xã hội hóa.

Cơ sở thực hiện xã hội hóa để được miễn tiền thuê đất phải lập và gửi hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất cho cơ quan thuế theo quy định.

Điều 3. Việc miễn tiền thuê đất được thực hiện như sau

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư, được nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án mà nội dung dự án đã được phê duyệt đáp ứng danh mục các loại hình, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định và cam kết thực hiện đầu tư dự án theo đúng nội dung dự án đã được phê duyệt thì được hưởng chính sách ưu đãi miễn tiền thuê đất từ thời điểm có quyết định cho thuê đất, hoặc quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, hoặc từ thời điểm bàn giao đất thực tế.

2. Trường hợp sau khi dự án hoàn thành, đưa vào hoạt động mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra và xác định cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng quy định về tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo các nội dung đã cam kết thì cơ sở thực hiện xã hội hóa phải nộp tiền thuê đất đã được miễn theo chính sách và giá đất tại thời điểm được hưởng ưu đãi về đất và tiền chậm nộp tính trên số tiền thuê đất được miễn theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành về xã hội hóa và các cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quyết định của cơ sở thực hiện xã hội hóa tại thời điểm dự án hoàn thành đưa vào hoạt động;

4. Việc kiểm tra, xác định theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:

a) Sau khi dự án hoàn thành đưa vào hoạt động, trong khoảng thời gian quy định tại danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của từng lĩnh vực xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định, cơ sở thực hiện xã hội hóa phải gửi văn bản đến Cục thuế để thông báo dự án đã hoàn thành đưa vào hoạt động kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan để Cục thuế chủ trì phối hợp với Sở, Ngành liên quan thực hiện kiểm tra việc đáp ứng điều kiện về miễn tiền thuê đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của cơ sở thực hiện xã hội hóa, Cục thuế phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quyết định thì Cục thuế có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4: Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Rà soát, lập quy hoạch kế hoạch sử dụng đất từng giai đoạn đáp ứng nhu cầu phát triển của các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa;

b) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, môi trường đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

2. Sở Tài chính

Hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa xử lý tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất phục vụ hoạt động xã hội hóa; hoàn trả ngân sách Nhà nước các khoản ưu đãi được hưởng đối với trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất không đúng mục đích, không hiệu quả;

Tổng hợp tình hình thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa của địa phương theo từng lĩnh vực vào tháng 01 hàng năm báo cáo Bộ Tài chính và UBND tỉnh.

3. Cục Thuế tỉnh

a) Hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hóa đăng ký thuế, kê khai thuế, thủ tục miễn tiền thuê đất theo quy định và thực hiện miễn tiền thuê đất theo thẩm quyền đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành về xã hội hóa và các cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quyết định của các cơ sở thực hiện xã hội hóa tại thời điểm dự án hoàn thành đưa vào hoạt động.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc thẩm quyền;

b) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đấu thầu khi có từ hai nhà đầu tư cùng đăng ký một địa điểm để thực hiện dự án xã hội hóa;

5. Các Sở chuyên ngành (Giáo dục - Đào tạo; Lao động Thương binh và Xã hội; Y tế; Văn hóa Thể thao và Du lịch; Xây dựng; Tư pháp...):

a) Căn cứ Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008, Nghị định 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014, Quyết định 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008, Quyết định 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 và các quy định hiện hành ban hành hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập của các cơ sở thực hiện xã hội hóa và thứ tự ưu tiên trong danh mục xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý phù hợp với từng giai đoạn và điều kiện thực tế của tỉnh;

b) Chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện chính sách xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý; hướng dẫn các cơ sở thực hiện xã hội hóa đăng ký nội dung hoạt động, trình tự thủ tục thực hiện; kiểm tra giám sát hoạt động của các cơ sở thực hiện xã hội hóa;

c) Xây dựng kế hoạch đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định;

d) Định kỳ hàng năm, tổng hợp tình hình thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các Bộ chuyên ngành theo quy định, đồng thời gửi Sở Tài chính và Cục Thống kê tỉnh;

đ) Thực hiện phối hợp với Cục thuế thực hiện kiểm tra, xác định việc đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quyết định của cơ sở thực hiện xã hội hóa tại thời điểm dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường;

2. Tổ chức triển khai dự án bảo đảm đúng yêu cầu về tiến độ và đúng nội dung đã đăng ký, đã được phê duyệt; chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện dự án; trường hợp thực hiện chậm tiến độ hoặc không đầy đủ theo nội dung đã đăng ký thì tùy theo mức độ vi phạm, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, xử lý thu hồi đất hoặc chấm dứt thực hiện chính sách ưu đãi theo quy định;

3. Thực hiện đầu tư dự án theo đúng nội dung dự án đã được phê duyệt và đáp ứng danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Các vấn đề khác liên quan đến dự án đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hóa không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 và Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về cho Sở, ngành quản lý lĩnh vực và Sở Tài chính để phối hợp xem xét giải quyết. Trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết của các Sở, ngành thì các Sở, ngành phải báo cáo và đề xuất ý kiến cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định././ *MM*

**TM.UBND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tử Quỳnh